

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-PT

Ngày 01-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phùng Lâm Hồng và bà Trần Thị Khánh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 03/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Giàng Cồ C, Giàng Phủ L, Tả Sín H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 10/12/2021 Tòa án nhân dân huyện MK, tỉnh Lào Cai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Giàng Cồ C - Sinh ngày 10/04/1994 tại huyện MK, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Thôn NM, xã TGK, huyện MK, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Phù Lá; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Giàng Mìn S (Đã chết) và bà Chảo Chín S1, sinh năm 1952. Bị cáo có vợ là Vàng Thị L1, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Giàng Cồ C đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại thôn NM, xã TGK, huyện MK, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Giàng Phủ L - Sinh ngày 03/03/1993 tại huyện MK, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Thôn VS, xã TGK, huyện MK, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Thu Lao; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Giàng Diu N (Đã chết) và bà Cáo Minh S (Đã chết). Bị cáo có vợ là Thên Thào C sinh năm 1997 và có 03 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Giàng Phủ L đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại thôn VS, xã TGK, huyện MK, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Tả Sín H (Tên gọi khác: ST), sinh ngày 03/5/1988 tại huyện MK, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: thôn VS, xã TGK, huyện MK, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Thu Lao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Tả Thiếu S1 (Đã Chết) và bà Tả Dung L2 (Đã chết). Bị cáo có vợ là Tả Sử L3 sinh năm 1992 và có 05 (năm) con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Tả Sín H (Tên gọi khác: Seo Thùng) đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại thôn VS, xã TGK, huyện MK, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho các bị cáo Giàng Cồ C và Tả Sín H:** Ông Ma Ngọc Mạnh L3 – Luật sư, Văn phòng luật sư Anh Tú, Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai và bà Nguyễn Thị Mai H1 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Đều có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Giàng Phủ L:** Ông Ma Ngọc Mạnh L3 – Luật sư, Văn phòng luật sư AT, Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai và bà Liễu Thị Ng - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Đều có mặt tại phiên tòa.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Hồng Th - Sinh ngày 12/8/1989, nơi cư trú: Thôn SB, xã TK, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng tại phiên tòa.

+ Chị Nguyễn Thị Y - Sinh ngày 09/9/1977, nơi cư trú: Thôn ĐT, xã TK, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh. Vắng tại phiên tòa.

+ Anh Lê Danh L3 - Sinh ngày 10/7/1975, nơi cư trú: Thôn 4, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa. Vắng tại phiên tòa.

+ Anh Nguyễn Văn D - Sinh ngày 01/8/1979, nơi cư trú: Thôn M, xã TS, huyện LM, tỉnh Bắc Giang. Vắng tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 14/7/2021, Giàng Cồ C được một người đàn ông Trung Quốc gọi điện qua ứng dụng WeChat (*quen biết và đã kết bạn với nhau từ trước*), trao đổi với C về việc đưa người Việt Nam sang Trung Quốc và gửi nick của C cho nick “*Nhà xe Trinh Sĩ San Thầu*” để kết bạn với C. Sau khi kết bạn, nick “*Nhà xe Trinh Sĩ San Thầu*” gọi hỏi C có đưa người Việt Nam sang Trung

Quốc được không và tiếp tục gửi nick của C cho nick “Nhà xe Bình An”. Một lúc sau nick “Nhà xe Bình An” gọi điện cho C tự giới thiệu tên là Toàn ở Hải Phòng sử dụng số điện thoại 0377546615 để trao đổi về việc đưa 04 người khách đang ở xã Cán Cấu, huyện Si Ma Cai sang Trung Quốc sẽ trả 1.000 CNY (Nhân dân tệ)/01 người, C đồng ý. Sau đó, C đến nhà Giàng Phủ L hỏi L có đưa được người sang Trung Quốc không, C sẽ trả 1.000.000 đồng/01 chuyến, L nói đi được nhưng phải rủ thêm một người nữa đi cùng, C bảo nếu tìm được thêm người đi cùng thì sẽ trả cho người này 500.000 đồng/01 chuyến, L đồng ý và gọi điện cho Tải Sín H thông báo nội dung như vậy, H đồng ý.

Sau đó, C gọi điện cho T báo là đã tìm được người, T gửi cho C số điện thoại của Nguyễn Văn D, đồng thời gửi cho D số điện thoại của C để liên lạc.

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 14/7/2021, Nguyễn Văn D gọi điện cho C bảo đến đón, D và mọi người đang ở công chợ thị trấn SMC. C đi xe mô tô BKS 24B1 - 251.47 đến gặp 04 người gồm: Nguyễn Hồng Th - Sinh ngày 12/8/1989, nơi cư trú: Thôn SB, xã TK, huyện LH, tỉnh Hà Tĩnh; Nguyễn Thị Y - Sinh ngày 09/9/1977, nơi cư trú: Thôn ĐT, xã TK, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh; Lê Danh L3 - Sinh ngày 10/7/1975, nơi cư trú: Thôn 4, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa và Nguyễn Văn D - Sinh ngày 01/8/1979, nơi cư trú: Thôn M, xã TS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. C chở D đến cổng bệnh viện huyện SMC mượn xe mô tô BKS 24B1 - 588.40 của bạn là Thèn Chín P, C đi xe máy của P, còn D đi xe máy của C quay lại công chợ. C chở Thành và Y, D chở L đi về thôn VS, xã TGK. Trên đường về, C gọi điện cho Giàng Phủ L bảo L đi xem nhà cũ bỏ không của Giàng Cồ M để đưa 04 người vào đó nghỉ, L đi xem rồi gọi điện lại cho C nói ở được, C đưa Thành, Yến, Lâm, Dũng vào nghỉ tại đó, sau đó C và L đi về nhà C.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, L bảo đi trước để xem đường, C vẫy 01 xe ô tô tải đi qua đường cho L đi nhờ còn C đi xe mô tô BKS 24B2 - 757.59 mượn của chị gái là Giàng Cồ D2. Trên đường đi C gặp Tải Sín H đi xe mô tô BKS 24B1 - 298.74, H hỏi L đâu, C nói L đi trước xem đường. H quay xe lại đi theo C đến ngôi nhà 04 người đang ngồi đợi. H chở Dũng đi trước, C nhờ cháu của mình là Giàng Seo P chở L3, còn C chở Th và Y. Trên đường đi, C gọi điện cho L, L nói đang chờ ở ngã ba đường rẽ xuống cột mốc biên giới thuộc địa phận thôn VS, xã TGK. Tới nơi, H để Dũng xuống xe rồi đem xe đi cất giấu, C và Phìn đi về nhà. Còn L và H tiếp tục đưa D, Th, Y, L3 đi bộ theo đường mòn xuống bờ sông biên giới khu vực Mốc 170 để đưa sang Trung Quốc.

Đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày thì bị tổ công tác của Đoàn Biên phòng TGK phát hiện bắt giữ. Tổ công tác yêu cầu về Đoàn biên phòng TGK để làm việc và lập biên bản vi phạm hành chính. Tạm giữ của Giàng Cồ C: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 24B2 - 757.59, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, bên trong lắp 02 thẻ sim Viettel. Tạm giữ của Giàng Phủ Lương: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel và tiền Việt

Nam 27.000 đồng; tạm giữ của Tải Sín H: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS 24B1 - 298.74, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, bên trong lắp một thẻ sim Viettel và tiền Việt Nam 481.000 đồng. Tạm giữ của Nguyễn Hồng Th: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel, 01 thẻ Agribank, tiền Việt Nam 1.035.000 đồng và tiền Trung Quốc 4.000 CNY (nhân dân tệ). Tạm giữ của Nguyễn Thị Y: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mi, bên trong lắp một thẻ sim Viettel. Tạm giữ của Lê Danh L3: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, bên trong lắp 02 thẻ sim Viettel, 01 thẻ Vietinbank, tiền Việt Nam 141.000 đồng và tiền Trung Quốc 57 CNY. Tạm giữ của Nguyễn Văn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, bên trong lắp 02 thẻ sim Viettel, 01 thẻ Vietinbank, 01 thẻ Vietcombank, 01 thẻ TPBank, tiền Việt Nam 1.150.000 đồng và tiền Trung Quốc 600 CNY.

Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 10/12/2021 Tòa án nhân dân huyện MK, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Giàng Cồ C, Giàng Phủ L và Tải Sín H phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Giàng Cồ C 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Giàng Phủ L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Tải Sín H (Tên gọi khác: Seo Thùng) 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hành án.

Ngày 22/12/2021, bị cáo Giàng Cồ C kháng cáo xin giảm hình phạt tù và xin hưởng án treo.

Ngày 22/12/2021, bị cáo Giàng Phủ L kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 22/12/2021, bị cáo Tải Sín H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Giàng Cồ C, Giàng Phủ Lương, Tải Sín H giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Bản án sơ thẩm không xác định hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15 và Điều 57 Bộ luật hình sự là không đúng vì các bị cáo chưa đưa được những người liên quan ra khỏi biên giới và Bản án sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản

Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng vì các bị cáo tuy là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhưng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự quy định về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội thì mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát cũng không đồng ý với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo L và bị cáo H, bởi lẽ các bị cáo đã tự nguyện khai báo hành vi phạm tội của bị cáo và khai ra hành vi phạm tội của các đồng phạm khác, các bị cáo đã được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không được áp dụng thêm nữa. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Giàng Phủ L và Tả Sín H: Xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi tổ chức người xuất cảnh trong thời gian dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác phòng chống dịch của nhà nước nên không thể chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Giàng Cồ C, Giàng Phủ L, Tả Sín H sửa bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 10/12/2021 của TAND huyện MK, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Giàng Cồ C từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù, không cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Giàng Phủ L từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, không cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tả Sín H (Tên gọi khác: ST) 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù, không cho hưởng án treo.

Những người bào chữa cho bị cáo Giàng Cồ C phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng quy định về phạm tội chưa đạt khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo nhưng không nhất trí với ý kiến của Đại diện viện kiểm sát về việc không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Giàng Cồ C, xử phạt bị cáo C mức án từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Những người bào chữa cho bị cáo Giàng Phủ L và bị cáo Tả Sín H phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng quy định về phạm tội chưa đạt khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo nhưng không nhất trí với ý kiến của Đại diện viện kiểm sát về việc không áp dụng khoản 2 Điều 51 của bộ luật hình sự đối với bị cáo. Các bị cáo đều là

người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Bên cạnh đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho các bị cáo Giàng Phủ L, Tả Sín H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì khi bị bắt quả tang, bị cáo L và bị cáo H đã tự nguyện khai ra bị cáo C là người chủ mưu, khởi sự vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo L01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo và tuyên phạt bị cáo Tả Sín H 01 năm tù, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về vấn đề này. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ để xác định: Ngày 14/7/2021, vì vụ lợi, Giàng Cồ C, Giàng Phủ L, Tả Sín H đã đưa anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Hồng Th, chị Nguyễn Thị Y, anh Lê Danh L3 xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc qua khu vực biên giới thuộc địa phận thôn VS, xã TGK, huyện MK. Theo thỏa thuận Giàng Cồ C trả công cho Giàng Phủ L số tiền 1.000.000 đồng/01 chuyến, trả công cho Tả Sín H số tiền 500.000 đồng/ 01 chuyến. Giàng Cồ C thỏa thuận với 01 người tên Toàn ở Hải Phòng sẽ được nhận tiền công khi đưa người sang Trung Quốc là 1.000 CNY (Nhân dân tệ)/01 người. Các bị cáo đang trên đường đưa anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Hồng Th, chị Nguyễn Thị Y, anh Lê Danh L đến khu vực giáp biên giới để đưa ra khỏi biên giới thì bị lực lượng bộ đội biên phòng bắt giữ.

[3] Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 10/12/2021 Tòa án nhân dân huyện MK, tỉnh Lào Cai

[3.1] Bản án hình sự sơ thẩm đã xác định Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất nhập cảnh của cơ quan nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương và hoang mang trong quần C nhân dân, đã cấu thành tội *“Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”* theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3.2] Về mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi Tổ chức cho 04 người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nhưng chưa đưa được qua biên giới nên hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Bản án sơ thẩm khi quyết định hình phạt không áp dụng cho các bị cáo tình tiết phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự là thiếu sót.

[3.3] Về vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo

Trong vụ án trên, Giàng Cồ C là người trực tiếp rủ rê, lôi kéo Giàng Phủ L và Tả Sín H cùng thực hiện hành vi phạm tội, là người liên lạc và thỏa thuận tiền công với người tên Toàn ở Hải Phòng, đồng thời cũng là người trực tiếp tổ chức cho L và H cùng sử dụng xe mô tô để đón D, Th, Y, L3 từ chợ thị trấn SMC đến khu vực biên giới thuộc địa phận thôn VS, xã TGK, huyện MK để đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên C giữ vai trò là người chủ mưu, người thực hành tích cực trong vụ án. Đối với Giàng Phủ L, sau khi được Giàng Cồ C rủ đưa 04 người sang Trung Quốc, L đã đồng ý và rủ thêm Tả Sín H cùng thực hiện, L và H đã trực tiếp đưa anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Hồng Th, chị Nguyễn Thị Y, anh Lê Danh L3 đến gần biên giới Việt Nam – Trung Quốc để đưa sang Trung Quốc thì bị lực lượng biên phòng bắt giữ nên Giàng Phủ L được xác định là người thực hành và giữ vai trò thứ 2 trong vụ án. Bản án hình sự sơ thẩm đã xác định đúng vai trò của các bị cáo trong vụ án.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau:

Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, sau khi bị bắt giữ, đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên đối với bị cáo Giàng Phủ L và bị cáo Tả Sín H khi bị lực lượng Biên phòng bắt giữ đã khai báo ra người khởi xướng và rủ các bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội đó là Giàng Cồ C, Sau khi có lời khai của L và H, Cơ quan Biên phòng đã xác định được Giàng Cồ C cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Bản án sơ thẩm không áp dụng cho các bị cáo Giàng Phủ L và Tả Sín H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự (Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm) để giảm nhẹ mức hình phạt cho L và H là thiếu.

[3.4] Như vậy, Bản án sơ thẩm khi quyết định hình phạt không áp dụng cho các bị cáo tình tiết phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự và không áp dụng cho các bị cáo Giàng Phủ L và Tả Sín H

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là thiếu dẫn đến quyết định hình phạt không đúng pháp luật, do đó cần phải sửa bản án sơ thẩm theo nhận xét ở trên.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Giàng Cồ C và kháng cáo xin hưởng án treo của Giàng Cồ C, Giàng Phủ L và Tải Sín H:

[4.1] Xét kháng cáo của bị cáo Giàng Cồ C xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo: Như đã phân tích tại mục [3], Bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội chưa đạt đối với bị cáo là thiếu nên việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C là có căn cứ được chấp nhận. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo, xét thấy trong vụ án, bị cáo C là người chủ mưu, cầm đầu và là người thực hành tích cực, trực tiếp một mình đưa 04 người liên quan từ thị trấn huyện Si Ma Cai đến thôn VS, xã TGK nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo C không được chấp nhận.

[4.2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Giàng Phủ L: Như đã phân tích tại mục [3], sau khi được Giàng Cồ C rủ đưa 04 người xuất cảnh trái phép sang Trung quốc, bị cáo đã đồng ý và trực tiếp cùng C và H đưa 04 người đi từ thôn VS, xã TGK đến gần cột mốc đường biên giới thì bị bắt, bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội chưa đạt đối với bị cáo là thiếu. Bên cạnh đó, sau khi bị bắt, bị cáo đã thật thà khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, gia đình thuộc diện cận nghèo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù vẫn có thể cải, giáo dục bị cáo nên cần giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

[4.3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Tải Sín H: Như đã phân tích tại mục [3], sau khi được Giàng Phủ L rủ đưa 04 người xuất cảnh trái phép sang Trung quốc, bị cáo đã đồng ý và trực tiếp cùng C và L đưa 04 người đi từ thôn VS, xã TGK đến gần cột mốc đường biên giới thì bị bắt, bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội chưa đạt đối với bị cáo là thiếu. Mặt khác, sau khi bị bắt, bị cáo đã thật thà khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, gia đình thuộc diện cận nghèo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù vẫn có thể cải, giáo dục bị cáo nên cần giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:

[5.1] Đối với ý kiến đề nghị không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả 3 bị cáo với lý do các bị cáo tuy là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhưng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự quy định về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội thì mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật là không phù hợp bởi lẽ: Vụ án này không có kháng cáo, kháng nghị làm xấu đi tình trạng của các bị cáo nên việc đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là vượt quá phạm vi của thẩm quyền xét xử phúc thẩm. Mặt khác tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự quy định “ Khi quyết định hình phạt Tòa án có thể coi đầu thú hoặc các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án”. Bản án sơ thẩm đã ghi rõ các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho 02 bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[5.2] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo L và bị cáo H là không phù hợp bởi lẽ: Các bị cáo L và H đã tự nguyện khai báo hành vi phạm tội của mình mà còn khai ra hành vi phạm tội của các đồng phạm khác (Bị cáo C) vì vậy bị cáo L và H phải được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của người bào chữa là chính xác.

[5.3] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo L và bị cáo H thực hiện hành vi tổ chức người xuất cảnh trong thời gian dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác phòng chống dịch của nhà nước nên không thể cho bị cáo L và H hưởng án treo được, xét thấy, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp bởi lẽ: Các bị cáo L và H giữ vai trò sau của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo là tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, hậu quả nghiêm trọng chưa xảy ra.

[6] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm (Vật chứng và tiền án phí sơ thẩm) không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 /2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 10/12/2021 Tòa án nhân dân huyện MK, tỉnh Lào Cai như sau:

Tuyên bố các bị cáo Giàng Cồ C, Giàng Phủ L và Tả Sín H phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15 Điều 17, khoản 3 Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Cồ C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17, khoản 3 Điều 57, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng Phủ L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17, khoản 3 Điều 57, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tả Sín H (Tên gọi khác: ST) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Giàng Phủ L và Tả Sín H (Tên gọi khác: ST) cho Ủy ban nhân dân xã TGK, huyện MK, tỉnh Lào Cai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Giàng Cồ C, Giàng Phủ L, Tả Sín H không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (Vật chứng, tiền án phí sơ thẩm) không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- CQTHAHS CA H. MK;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQCSĐT CA H. MK;
- TAND H. MK;
- VKSND H. MK;
- Chi cục THADS H. MK;
- UBND xã TGK;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Hữu Khoa